

chứng, như lời Thành Nghiễn bảo Tề Cảnh-công rằng: « *Hu trương-phu giả, ngã trương-phu giả, ngô hà úy bỉ tai!* 丈夫也, 我丈夫也, 吾何畏彼哉: thánh-hiền là trương-phu, ta là trương-phu, ta sợ gì không được như thánh-hiền! », và lời Nhan Hối nói rằng: « *Thuấn hà nhân giả, dư hà nhân giả, hữu vi giả diệc nhược thị* 舜何人也, 予何人也, 有為者亦若是: vua Thuấn là người nào, ta là người nào, ai theo đạo mà làm, thì cũng thế cả ». (*Dòng Văn-công, thượng*). Thánh-nhân là bậc hoàn-toàn trong vạn vật, mà ta với thánh-nhân là đồng một thể, thì cái phần tinh-tú của vạn vật đều đủ cả ở trong mình ta. Nếu ta tự xét mình ta mà tu-dưỡng lấy cái căn-bản, thì sự học không phải tìm ở đâu xa. Ông nói: « *Vạn vật giai bị ư ngã hỷ. Phản thân nhi thành, lạc mạc đại yện; cường thử nhi hành, cầu nhân mạc cận yện* 萬物皆備於我矣. 反身而誠, 樂莫大焉; 強恕而行, 求仁莫近焉: muôn vật đều đủ cả ở trong người ta vậy. Ta tự xét mình ta mà thành-thu, thì có vui-thú nào lớn hơn nữa. Ta cố sức làm điều lành, như ta muốn người làm cho ta, thì tìm cái nhân có gì gần hơn nữa ». (*Tận-tâm, thượng*).

Người đã như nhau cả, thì sao lại có đại-nhân và tiểu-nhân? — Mạnh-tử trả lời: « *Thề hữu qui tiện, hữu tiểu đại, vô dĩ tiểu hại đại, vô dĩ tiện hại qui. Dưỡng kỳ tiểu giả vi tiểu-nhân; dưỡng kỳ đại giả vi đại-nhân* 體有貴賤, 有小大, 無以小害大, 無以賤害貴. 養其小者為小人, 養其大者為大人: trong thân-thể người ta có phần qui, có phần tiện, có phần lớn, có phần nhỏ, đừng lấy phần nhỏ hại phần lớn, đừng lấy phần tiện hại phần qui. Nuôi phần nhỏ thì làm tiểu-nhân, nuôi phần lớn thì làm đại-nhân ». Phần lớn là tâm của mình, phần nhỏ là tai-mắt của mình. « Tai-mắt của người ta không phải để suy-nghĩ, mà lại hay bị ngoại vật che tối, và chỉ là vật nọ giao với vật kia rồi tiếp-dẫn nhau mà thôi. Tâm là để suy-nghĩ. Suy-nghĩ thì được, nghĩa là biết rõ đạo-lý. Không suy-nghĩ thì

không được, nghĩa là không biết đạo-lý. Trong những cái của Trời phú cho ta, trước hết ta phải gây-dựng lấy cái lớn thì cái nhỏ không lấn lên được, bởi thế mới làm đại-nhân ». Ý Mạnh-tử là cho cái phẩm-giá tôn-quí của người ta chỉ ở cái tâm đề tư-tướng mà thôi. Ngoài cái tâm ra thì không có gì là đáng quý cả. Bởi vậy ông nói: « *Hữu thiên tước giả, hữu nhân tước giả. Nhân nghĩa trung tín, lạc thiện bất quỵ, thử thiên tước giả; công khanh đại phu, thử nhân tước giả* 有天子爵者, 有人爵者. 仁義忠信, 樂善不倦, 此天爵也; 公卿大夫, 此人爵也: có cái tước của Trời cho, có cái tước của người cho. Nhân nghĩa trung tín vui làm điều lành không mỏi là cái tước của Trời cho; công-khanh, đại-phu là cái tước của người cho. » — « Người đời xưa lo sửa cái thiên-tước, thì cái nhân-tước theo sau. Người đời nay lo sửa cái thiên-tước để cầu lấy cái nhân-tước, khi đã được cái nhân-tước rồi thì bỏ cái thiên-tước, như thế thật là mê-hoặc lắm vậy, sau thành ra mất hết cả. » — « Lòng muốn cái tôn-quí thì ai ai cũng như nhau cả. Thế mà người ta ai cũng có cái tôn-quí ở trong mình mình mà không nghĩ đến. Cái tôn-quí của người ta cho không phải là thật tôn-quí, những người mà người Triệu-Mạnh (2) đã cho được tôn-quí thì người Triệu-Mạnh có thể làm cho dè-tiền được. » (*Cáo-lữ, thượng*). Vậy ta nên cầu cái tôn-quí của Trời cho, tức là ta cầu lấy nhân-nghĩa đạo-lý để làm cho tôn cái phẩm-giá của ta. Cái phẩm-giá ấy không ai cho được ta mà cũng không ai cướp được của ta. Song muốn có cái phẩm-giá ấy, thì tự ta phải tìm lấy, chứ nếu ta tự hại, tự bỏ đi, thì không bao giờ có được. Vậy nên mới nói: « *Tự bạo giả, bất khả dĩ hữu ngôn giả; tự khố giả, bất khả dĩ hữu vi giả* 自暴者, 不可與有言也; 自棄者, 不可與有為也: không thể nói chuyện được với

(2) Triệu Mạnh là quan đại-phu nước Tề.

người tự hại mình; không thể làm điều lành được với người tự bỏ mình. » — « Nói không phải lễ-nghĩa, gọi là tự hại mình. Thân ta không ở chỗ nhân, không theo điều nghĩa, gọi là tự bỏ mình. Nhân là cái nhà của người ta ở yên, nghĩa là con đường chính của người ta đi. Bỏ vắng cái nhà yên mà không ở, bỏ con đường chính mà không đi, thế có thãm không? » (Ly-Lâu, thượng).

Người ta làm điều nhân, điều nghĩa, cũng như người đi trên rừng, có đi luôn thì mới thành đường được. Cho nên mới nói: « Sơn kinh chỉ kê gian, giới-nhiên dụng chỉ nhi thành lộ. Vị gián bất dụng, tắc mao tắc chỉ hỹ 山徑之蹊間, 介然用之, 而成路. 為間不用, 則茅塞之矣. ở giữa khoảng rừng núi, chỗ nào đi luôn thì thành đường. Hễ bỏ vắng không đi, thì cỏ mọc lấp mất. » (Tận-tâm, hạ). Người học-giả cũng thế, lúc nào cũng phải đề chí mà làm điều nhân, điều nghĩa. Phải biết rằng: « Sát nhất vô tội, phi nhân giả; phi kỳ hỹ nhi thủ chí, phi nghĩa giả. 60 61 tại? nhân thị giả; lộ ó tại? nghĩa thị giả. Cư nhân ư nghĩa, đại-nhân chỉ sự bị hỹ 殺 一 無 罪, 非 仁 也; 非 其 有 而 取 之, 非 義 也. 居 惡 在? 仁 是 也; 路 惡 在? 義 是 也. 居 仁 由 義, 大 人 之 事 備 矣: giết một người không có tội, không phải là nhân; không phải của mình mà lấy không phải là nghĩa. Chỗ mình ở là đâu? là chỗ nhân; đường mình đi là đâu? là chỗ nghĩa. Ở chỗ nhân, đi theo chỗ nghĩa, như thế là việc của bậc đại-nhân đủ vậy. » (Tận-tâm, thượng).

Tồn tính, dưỡng khí và trị chí. Tính là cái lý toàn-nhiên ở trong tâm người ta, tức là cái phần tinh-thuần của Trời phú cho. Ta nhờ có tính mới biết nhân-nghĩa, biết phải trái, cho nên trước hết ta phải nuôi lấy cái tính, đừng để nó mờ-tối đi. Người mà hơn loài cầm-thú là chỉ ở sự giữ được cái tính bản-nhiên mà thôi. Nếu ta bỏ mất cái tính ấy đi, thì người với cầm-thú không khác nhau gì cả. « Nhân chỉ sở dĩ dị ư cầm-thú giả; cơ hỹ; thì

dân khừ chí, quân-tử tồn chí 人之所以異於禽獸者, 幾希: 庶民去之, 君子存之: người ta sở dĩ khác loài cầm-thú là chỉ có một chút mà thôi: kẻ thứ-dân thì bỏ đi, người quân-tử thì giữ còn lại. » (Ly-Lâu, hạ). Vậy tính là phần tối linh-diệu của Trời phú cho người để hiểu-biết đạo-lý. Song có tính phải có khí, thì mới có hình-thể và mới có sinh-trưởng.

Khi là sự vận-dụng của lý, lưu-hành khắp cả vũ-trụ, ngưng-tụ lại thành ra hình, tức là thành ra vạn vật. Vạn vật sinh-trưởng là nhờ có khí lưu-hành trong các thân-thể. Vậy khí là để nuôi sự sinh-hoạt của vạn vật. Song khí phải tùy-tùng cái chí. Chí là cái ý-hướng của tâm, mà tâm là chủ-lò trong cả vạn vật. Hễ có chí là có khí, cho nên mới nói rằng: « Chí chí yên, khí thứ yên 志至焉, 氣次焉 (3): chí đến vậy, khí cũng đến vậy. » (Mạnh-tử: Công-tôn Sửu, thượng).

Người ta phải có cả chí và khí thì mới sinh-hoạt được điều-hòa. Vậy nên ta phải: « Tri kỷ chí, vô bạo kỳ khí 持其志, 無暴其氣: giữ cho bền cái chí, mà không làm hại cái khí ». Cái bản-thể của khí là hạo-nhiên rất lớn, rất mạnh, ở khắp cả khoảng trời đất. Ta phải theo lẽ tự-nhiên mà nuôi cái khí hạo-nhiên, để cho tính và khí điều-hòa với nhau, thì sự hành-động của người ta mới hợp với thiên-lý. Người quân-tử sở dĩ hơn người thường là chỉ biết cách « thiện dưỡng hạo-nhiên chí khí 善養浩然之氣: khéo nuôi cái khí hạo-nhiên » (Công-tôn Sửu, thượng).

Nuôi cái khí hạo-nhiên thì phải thế nào? Phải làm luôn luôn những việc hợp nghĩa-lý, nhưng cứ theo lẽ tự-

(3) Tống-nho cắt-nghĩa chữ chí 至 là cực, cho chí là trên, khí là dưới. Nhưng Minh-nho Vương Dương Minh nói nên đề chữ chí là đến, vì sau có câu: « Tri kỷ chí, vô bạo kỳ chí. » Đã tri kỷ chí lại vô bạo kỳ chí, việc nọ ở trong việc kia, chứ không phải là hai việc khác nhau. Xét ra cái ý-kiến ấy phải hơn.

nhiên mà làm, không sao-nhãng, không gián-đoạn lúc nào, mà cũng không mong cho chóng thành hiệu. Làm như thế, thì cái khí hạo-nhiên ấy càng ngày càng tươi-tốt thêm ra, cho nên mới nói: « *Thị tập nghĩa sở sinh giả, phi nghĩa tập nhi thủ chi giả* 是集義所生者, 非義集而取之也. là để nghĩa họp lại mà sinh ra, chứ không phải lấy nghĩa mà chụp lấy được ». Nghĩa là cứ theo đạo nghĩa để nuôi cái khí hạo-nhiên, rồi khi ấy tự nó sinh-nở ra, chứ không phải lấy cái nghĩa mà chụp lấy khi ấy.

Bởi vậy cho nên mới nói: « *Tất hữu sự yên, nhi vật chỉnh, tâm vật vong, vật trợ trưởng giả* 必有事焉而勿正, 心勿忘, 勿助長也 (4): ắt có việc vậy, mà chớ cho là được ngay, tâm chớ quên, chớ trợ trưởng vậy. » (Cổng-tôn Sưu-thượng). Nghĩa là có công-việc thì chớ cho là được ngay, phải thận-trọng để tâm đến luôn, nhưng cũng đừng mong chóng tốt chóng hay, thì rồi tự-khắc nó tốt và hay.

Có việc mà bỏ sao-nhãng hay là muốn cho chóng tốt, chóng hay, thì lại là làm hại cái khí hạo-nhiên. Đừng bắt chước như một người nước Tống lo cây lúa mọc không được chóng lớn, đem nhỏ gốc lên cho cao, thành ra lúa chết cả.

Sự tu-dưỡng cũng vậy, cứ phải từ từ mà nuôi cái khí hạo-nhiên lên cho tốt. Đừng bỏ quên, đừng vội-vàng, thì ắt có ngày trông thấy cái hiệu-quả mỹ-mãn.

Tự đắc. Cái học của Mạnh-tử là cần phải theo thiên-lý mà tự-cường tự-động, để cầu lấy sự tự đắc, nghĩa là cầu lấy được cái vui về đạo. Cho nên nói rằng: « *Quân-*

(4) Lục Tượng-Sơn cho chương này phải chấm câu như thế này; 必有事焉而勿正 心 làm một câu, 勿忘, 勿助長也 làm một câu. Câu dưới giải-nghĩa câu trên, như là nói: 心有事焉, 勿忘也, 勿正心, 勿助長也, cho cái nghĩa chữ chỉnh 正 là mong chóng thành hiệu.

lữ thâm thảo chi dĩ đạo, dục kỳ tự đắc chi giả. Tự đắc chi, tắc cư chi yên; cư chi yên, tắc tư chi thâm; tư chi thâm, tắc thủ chi tả hữu, phùng kỳ nguyên; cổ quân-tử dục kỳ tự đắc chi giả 君子深造之以道, 欲其自得之也. 自得之, 則居之安; 居之安, 則資之深; 資之深, 則取之左右, 逢其原; 故君子欲其自得之也: quân - tử theo đạo mà hiểu cho sâu cái đạo, là muốn tự mình riêng được cái vui về đạo. Đã tự mình riêng được cái vui về đạo, thì ở với đạo lúc nào cũng yên; đã ở với đạo lúc nào cũng yên thì cái vốn sẵn có nhiều; cái vốn sẵn có nhiều, thì lấy ở bên tả bên hữu, chỗ nào cũng nhằm cái gốc; cho nên quân-tử muốn tự mình riêng được cái vui về đạo. » (Ly-lâu, hạ). Ai muốn được cái vui về đạo ấy thì tự mình phải cố gắng rèn - tập và suy - nghĩ sâu-xa, để hiểu cho rõ cái đạo. Đã hiểu rõ được cái đạo, thì tự khắc được cái vui về đạo. Cũng vì thế cho nên những người cực-khổ hay bị những cảnh gian-nan bắt buộc phải suy-nghĩ luôn, thường là người hiểu suốt đến cái đạo. Bởi vậy mới nói rằng: « *Nhân chi hữu đức tuệ thuật tri giả, hằng tồn hồ chân tật. Đức có-thần, nghịet-tử, kỳ thảo tâm giả nguy, kỳ lự hoạn giả thâm, cổ đạt* 人之有德慧術知者, 恆存乎疾疢. 獨孤臣, 孽子, 其操心也危, 其慮患也深, 故達: những người có đức, tuệ, thuật, tri, thường là bởi có hoạn-nạn khổ-sở. Chỉ có những kẻ có-thần, nghịet-tử (5) lúc nào cũng cảm cái lòng như nguy-hiểm lắm, cái bụng lo-nghĩ sâu-xa, cho nên mới đạt được sự lý. » (Tận-tâm, thượng). Người có lo nghĩ thì cái tâm mới mở rộng ra, cái trí mới sáng-suốt, mới biết được rõ các mối đạo-lý. Bởi thế cho nên sự học phi tự mình phải cố gắng mà hiểu lấy, thì sự dạy-bảo dẫu thế nào cũng không có ích gì.

Sự giáo - hối. Mạnh - tử nói: « *Nhân chi hữu đạo giả, bảo thực noãn y, dật cư nhi vô giáo, tắc cận ư cầm*

(5) Có-thần là người làm tội ông vua mất nước; nghịet-tử là đứa con trơ-trọi một mình, trên không có cha mẹ trông coi, dưới không có anh em giúp-đỡ.

thủ 人之有道也, 飽食煖衣, 逸居而無教, 則近於禽獸. người ta tuy có đạo-lý, nhưng cứ ăn no, mặc ấm, ngồi rồi mà không dạy bảo, thì gần như giống cầm-thú. » Thánh-nhân đời trước lấy điều ấy làm lo, đặt quan Tư-đồ coi việc giáo-hóa, dạy cho dân biết rõ nhân-luân, để cha con có tình thân, vua tôi có nghĩa, vợ chồng phân-biệt, lớn trẻ có trật-tự, bầu bạn có tin. (Đặng Văn-công, thượng).

Những điều luân-thường đạo-lý tuy không phải là điều khó, song vì người đời thường không suy-xét: « *Hành chi nhi bất trí yển, tập hĩ nhi bất sát yển, chung thân do chi, nhi bất trí kỳ đạo giả, chúng giả 行之而不著焉, 習矣而不察焉, 終身由之, 而不知其道者, 衆也*: nhiều người làm mà không biết, tập quen mà không xét, suốt đời theo mà không rõ cái đạo. » (Tận-tâm, thượng). Thánh thử: *đạo tại nhi, nhi cầu chư viễn; sự tại dĩ, nhi cầu chư nan* 道在爾, 而求諸遠; 事在易, 而求諸難: đạo ở gần mà đi tìm ở xa; việc ở cái dễ mà đi tìm ở cái khó. » (Ly-Lâu, thượng). Vậy muốn cho nhân-dân ai cũng hiểu điều phải điều trái, việc hay việc dở thì phải có sự giáo-hối. Ở trong xã-hội thì phải « *trung giả dưỡng bất trung, tài giả dưỡng bất tài* 中也, 養不中, 才也 養不才: người trung-chính dạy người không trung-chính, người có tài-năng dạy người không có tài-năng. » (Ly-Lâu, hạ). Ai là người có tài, có đức, thì cũng phải như Y-Doãn: « *Thiên chi sinh tư dân giả, sử tiên tri giác hậu tri, sử tiên giác hậu giác* 天之生斯民也, 使先知覺後知, 使先覺覺後覺: trời sinh ra người, khiến kẻ tiên-tri dạy kẻ hậu-tri, khiến kẻ tiên-giác dạy kẻ hậu-giác. » (Vạn-Chương, hạ).

Sự giáo-hối cần phải lấy những khuôn-phép của thánh-hiền làm tiêu-chuẩn. Vì rằng: « Nếu có cái sáng của Ly-Lâu, cái khéo của Công-Thân tử (6), mà không có cái thước tròn và cái thước vuông thì không làm được cái hình tròn, cái

(6) Công Thân-tử tức là Công Thâu-Ban 公輸班 là một người thợ khéo đời Xuân-thu.

hình vuông; nếu có cái tai nghe suốt như Sư Khoảng mà không có sáu luật, thì không chính được năm âm; nếu có cái đạo vua Nghiêu vua Thuấn, mà không làm điều nhân-chính, thì không bình trị được thiên-hạ ». Đã có đạo-lý và khuôn-phép của thánh-hiền đã định ra, thì ta nên nhân đó mà học-tập, mà hành-động. » Thánh-nhân đã trông hết cái sức của con mắt, lại lấy cái thước tròn, cái thước vuông, cái thẳng-bằng và cái dây dề làm cái tròn, cái vuông, cái mặt bằng và cái mặt thẳng, dùng mãi không xuề; đã nghe hết cái sức của tai, lại lấy sáu luật để chính năm âm, dùng mãi không xuề; đã xét hết sự nghĩ-ngợi của cái tâm, lại dùng cái chính-sự thương người, khiến cho lòng nhân che khắp cả thiên-hạ » (Ly-Lâu thượng). Vậy ta phải theo cái đạo của thánh-hiền mà dạy người.

Người dạy học và người đi học phải như người Hận Nghê dạy người ta bắn, tất phải dạy dề chỉ vào sự kéo dây cung cho thẳng, mà người học bắn cũng phải dề chỉ vào sự kéo dây cung cho thẳng; người thợ giỏi dạy người làm thợ, tất phải dạy cách dùng thước tròn, thước vuông, mà người học làm thợ cũng phải học cách dùng thước tròn, thước vuông (Nghê chỉ giáo nhân xạ, tất chỉ یر 綫, học giả diệc tất chỉ یر 綫; đại-tượng hối-nhân, tất dĩ qui củ, học giả diệc tất dĩ qui củ 羿之教人射, 必志於綫, 學者亦必志於綫; 大匠誨人, 必以規矩, 學者亦必以規矩) (Cáo-tử, thượng). Nghĩa là dạy điều gì, thì phải chuyên tâm trí chỉ mà theo cho đúng những cái qui-mô đã định.

Mạnh-tử cho sự giáo-hối có nhiều lối. Ông nói: « *Giáo diệc đa thuật hĩ, dư bất tiết chi giáo-hối giả giả, thị diệc giáo-hối chi nhi dĩ hĩ* 教亦多術矣, 予不屑之教誨者也, 是亦教誨之而已矣: dạy cũng có nhiều thuật, có người ta không thêm dạy-bảo cho, ấy cũng là dạy-bảo đó vậy » (Tận-tâm, thượng). Thường thì người quân-tử có năm cách dạy người là: Hữu như thời vũ hóa chi giả, hữu thành đức giả, hữu đạt tài giả, hữu đáp vấn giả, hữu tư-

thục ngải giả 有如時雨化之者,有成德者,有達財者,有答問者,有私淑艾者: có cách như trời mưa xuống mà hóa đi, có cách là cho thành-tựu cái đức, có cách làm cho đạt cái tài, có cách trả lời cho những câu hỏi, có cách học riêng với một người mà thành ». (*Tận-tâm, thượng*).

Cái phương-pháp giáo-hối của người quân-tử cốt ở sự chỉ-dẫn cho người ta để ai thích học thì tự phải cố gắng mà học lấy. Cho nên mới nói: « *Quân-tử dẫn nhi bất phát, được như giã. Trung đạo nhi lập, năng giả tòng chi* 君子引而不發,躍如也.中道而立,能者從之. quân-tử dạy người như dạy bắn, chỉ kéo thẳng cái dây cung mà không buông tên ra. Tuy không dạy cho biết hết cái hay, nhưng cái lý sở đắc đã hoạt-động như là nhảy-nhót ở trước mặt vậy. Cứ giữa đạo mà đứng, ai theo được thì theo ». (*Tận-tâm, thượng*).

Cái phương-pháp của Mạnh-tử có nhiều điều rất thích hợp với phép sư-phạm ngày nay. Ông nói: « *Bất học thì tường thuyết chỉ, tường dĩ phản thuyết ước giả* 傳學而詳說之,將以反說約也: học rộng mà phân-giải ra cho rõ-ràng rồi nói lại mà tóm hết cả các cái đại-yếu ». Phạm sự học là chủ ở cái tinh-thần hoạt-động, và học điều gì thì phải suy-nghĩ mà phê-bình cho hợp-lý, chứ không phải cứ nhắm mắt mà theo sách: « *Tận tín thư bất như vô thư* 盡信書不如無書: đọc sách mà tin cả ở sách, thì không bằng không có sách » (*Tận-tâm, hạ*).

Người quân-tử là bao giờ cũng phải học, không lúc nào dám tự cậy mình là hoàn-toàn, không cần phải học gì nữa. Cho nên nói rằng: « *Nhân chi hoạn, tại hiếu vi nhân* 人之患,在好為人師: cái bệnh của người ta là ở sự thích làm thầy người ta. » (*Ly-Lâu, thượng*). Nếu mình cho là tự mãn tự túc chỉ muốn đi dạy người, chứ không học nữa là một điều rất dở. Vì người như thế thì còn tiến-hóa sao được?

Người đi học thì trước hết phải giữ mình cho chính rồi mới sửa được người. « *Uông kỷ giả, vị hữu năng trự* 王

nhân giả giả 枉己者,未有能直人者也: mình cong-queo không thể nào sửa cho người ngay-thẳng được. » Vậy muốn sửa mình thì phải có lòng si, nghĩa là biết xấu-hổ về việc mình làm điều bậy. Ông nói: « *Sĩ chi ư nhân đại hỹ. Vi cơ biến chi xảo giả, vô sở dụng sĩ yên. Bất sĩ bất nhược nhân, hà nhược nhân hữu* 恥之於人大矣.為機變之巧者,無所用恥焉.不恥不若人,何若人有: lòng biết xấu-hổ đối với người ta là quan-trọng lắm. Người mà khéo dùng cơ-mưu, quyền-biến để lừa-dối người ta là người không biết nghĩ đến cái lòng biết xấu-hổ vậy. Không bằng người ta mà không biết xấu-hổ, thì có bằng người ta sao được ». Bởi vậy cho nên: « *Nhân bất khả dĩ vô sĩ. Vô sĩ chi sĩ, vô sĩ hỹ* 人不可以無恥.無恥之恥,無恥矣: người ta không thể không có lòng xấu-hổ về điều mình làm bậy. Nếu ai đã có lòng biết xấu-hổ về điều vô sĩ, thì không có điều gì đáng xấu-hổ nữa » (*Tận-tâm, thượng*).

Về đường giáo-dục, Mạnh-tử cho cái tập-khí của hoàn-cảnh có thể cảm-hóa được tâm-tinh người ta. Ông nói: « *Cư dĩ khí, dưỡng dĩ thể, đại tai cư hồ! 居移氣,養移體,大哉居乎!: chỗ ở biến-đổi cái khí-tượng, sự ăn-uống biến-đổi cái thân-thể, chỗ ở quan-trọng lắm vậy ời! »* (*Tận-tâm, thượng*).

Nói về cách xem-xét người ta thì Mạnh-tử cho là không gì bằng trông ở con mắt. Con mắt là cái gương phản-chiếu cái tinh-thần ra ngoài. Cho nên nói rằng: « *Tồn hồ nhân giả, mạc lương ư mậu-tử. Mậu-tử bất năng yểm kỳ ác. Hung trung chính, tắc mậu-tử liệu yên; hung trung bất chính, tắc mậu-tử mao yên. Thịnh kỳ ngôn giả, Quan kỳ mậu-tử, nhân yên sự tai! 存乎人者,莫良於眸子.眸子不能掩其惡.胸中正,則眸子瞭焉;胸中不正,則眸子眊焉.聽其言也,觀其眸子,人焉廋哉: cái tồn ở trong người ta chẳng gì thật bằng con-người. Vì rằng con-người không thể giấu được cái ác của người ta. Trong bụng ngay-thẳng thì con-người trông sáng tỏ rõ-ràng; trong bụng tà-khúc, thì con-người mờ-*

đọc tối-tâm. Khi nghe lời nói mà xem con-người thì không giấu được người vậy » (Ly-Lâu, thượng).

Ấy là nói tóm các quan-niệm của Mạnh-tử về đường giáo-dục. Xét ra có lắm điều rất hệ-trọng, kẻ học-già nên chú ý mà ngẫm-ngĩ cho kỹ, tưởng cũng có phần bổ-ích cho sự học vậy.

Quân-tử. Mạnh-tử cũng theo như Khổng-tử lấy người quân-tử mà đại-biêu bậc người hoàn-toàn trong nhân-loại. Có khi ông dùng chữ *đại-trượng-phu* hay chữ *đại-nhân* để thay chữ *quân-tử*. Người quân-tử của Khổng-tử và người quân-tử của Mạnh-tử đều là bậc người cao-minh hoằng-đại, song mỗi người có khí-tượng đặc biệt là: người quân-tử của Khổng-tử thì hồn-nhiên, lúc nào cũng ôn-hòa, thuận-hậu, mà người quân-tử của Mạnh-tử thì khuê-giốc, nghĩa là cứng-cỏi, có góc, có cạnh.

Mạnh-tử cho là người quân-tử bao giờ cũng phải lấy nhân, nghĩa, lễ, trí, làm tông-chỉ. Ông nói: « Đắt rộng, dân nhiều, đó là sự muốn của người quân-tử, nhưng chưa phải là cái vui của người quân-tử. Đứng đầu trong thiên-hạ, định được sự hòa-bình cho dân bốn bề, đó là cái vui của người quân-tử, nhưng chưa phải là cái mà người quân-tử cho là bản-tính của mình. Cái mà người quân-tử cho là bản-tính của mình, thì tuy làm việc to lớn cũng không thêm lên được, mà tuy phải khổ-sở cũng không bớt đi được, là vì cái đó Trời đã định phận rồi. Cái mà người quân-tử cho là bản-tính của mình là: nhân, nghĩa, lễ, trí, căn-bản ở trong tâm người ta. Những cái ấy sinh-sản ra, thì trông thấy rõ ở mặt, thấy sáng ở lưng, thấy hiện ra ở chân tay. Chân tay không nói mà tự khắc hiểu, nghĩa là tự-nhiên hiện-hiện ra ở sự cử-chỉ hành-động » (Tận-tâm, thượng). Người quân-tử lúc nào cũng cứ ngay-thẳng mà làm điều lành điều phải, chứ không vì tư tâm tư lợi mà hại đạo-lý. « *Cư thiên-hạ chỉ quảng-cư, lập thiên-hạ chỉ chính vị, hành thiên-hạ chỉ đại đạo.* Đắc chí, dữ dân do

chi; bất đắc chí, độc hành kỳ đạo; phú qui bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vô bất năng khuất, thử chi vị đại-trượng-phu 居天下之廣居,立天下之正位,行天下之大道.得志,與民由之;不得志,獨行其道;富貴不能淫,貧賤不能移,威武不能屈,此之謂大丈夫: ở cái chỗ ở rộng trong thiên-hạ, đứng giữa cái ngôi chính trong thiên-hạ, đi con đường lớn trong thiên-hạ. Đắc chí thì cùng với dân mà theo đạo, không đắc chí thì một mình mình theo đạo; giàu sang không thể làm cho dâm được cái lòng của mình, nghèo-hèn không thể làm cho đổi được cái chí của mình, uy-quyền vô-lực không thể làm cho khuất được cái khí của mình, ấy thế mới gọi là đại-trượng-phu » (Đằng Văn-công, hạ). Chỗ ở rộng trong thiên-hạ là nhân, ngôi chính trong thiên-hạ là lễ, đường lớn trong thiên-hạ là nghĩa.

Người quân-tử bao giờ cũng « *Ngưỡng bất quý ư thiên, phủ bất tặc ư nhân* 仰不愧於天,俯不作於人: ngưỡng lên không xấu với Trời, cúi xuống không thẹn với người » (Tận-tâm, thượng). « *Cùng bất thất nghĩa, đạt bất li đạo* 窮不失義,達不離道: cùng-khò không mất nghĩa, hiển-đạt không lìa đạo ». Khi đắc chí ra đương việc nước, thì đem cái ơn rải khắp muôn dân; không gặp thời, không làm được gì, thì sửa mình cho rõ ra ở đời. « *Cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt tắc kiêm thiện thiên hạ* 窮則獨善其身,達則兼善天下: cùng-khò thì một mình mình làm hay cho mình, hiển-đạt thì làm hay cho cả thiên-hạ » (Tận-tâm, thượng).

Người quân-tử phải biết phân-biệt thực giả để hành-động cho hợp đạo trung. « *Phi lễ chi lễ, phi nghĩa chi nghĩa, đại nhân phát vi* 非禮之禮,非義之義,大人弗為: lễ không phải là lễ, nghĩa không phải là nghĩa, bậc đại-nhân không làm » (Ly-Lâu, hạ). Đạo làm người quý nhất là nhân với nghĩa, dầu đến bậc vua có quyền-thế mà không có nhân-nghĩa cũng là khinh, cho nên người quân-tử không thấy người giàu-sang mà muốn, không thấy mình nghèo-hèn mà sợ. « *Bĩ dĩ kỳ phú, ngã dĩ ngô nhân, bĩ dĩ kỳ tước,*

ngã dĩ ngô nghĩa, ngô hà khiếm hồ tai! 彼以其富, 我以吾仁, 彼以其爵, 我以吾義, 吾何慊乎哉! : kẻ kia cậy ở cái giàu của nó, ta dựa cậy ở cái nhân của ta, kẻ kia cậy ở cái tước của nó, ta dựa cậy ở cái nghĩa của ta, ta có điều gì bất mãn vậy thay! » (Cổng-tôn Sửu, hạ). Người quân-tử tôn-quí cái đạo, chứ không chuộng cái thế-lực. « Lạc kỳ đạo nhi vong nhân chi thể 樂其道而忘人之勢 : vui về cái đạo của mình mà quên cái thế-lực của người ta » (Tận-tâm, thượng).

Người ta phải biết thế nào là nhân, thế nào là nghĩa. « Nhân giai hữu sở bất nhẫn, đạt chi ư kỳ sở nhẫn, nhân giả; nhân giai hữu sở bất vi, đạt chi ư kỳ sở vi, nghĩa giả 人皆有所不忍, 達之於其所忍, 仁也; 人皆有所不為, 達之於其所為, 義也 : người ta ai cũng có điều bất nhẫn, đem điều bất nhẫn ấy mà thi ra ở những điều mình sở nhẫn, thế là nhân; người ta ai cũng biết có điều không nên làm, đem điều ấy mà thi ra ở những điều mình nên làm, thế là nghĩa » (Tận-tâm, hạ). Hễ biết rõ nhân, rõ nghĩa, thì cứ tùy thời, tùy cảnh-ngộ mà hành-động cho hợp đạo, chứ không phải là cố-nhân làm thế nào cứ làm như thế mới được : « Quân-tử diệc nhân nhi dĩ hỹ, hà tất đồng 君子亦仁而已矣, 何必同 : người quân-tử chỉ có theo đạo nhân mà thôi, hà tất phải giống nhau? » (Cáo-tử, hạ).

Cái đức của người quân-tử to-lớn mênh-mông, cho nên : « Quân-tử sở quá giả hóa, sở tồn giả thần, thượng hạ dĩ thiên địa đồng lưu 君子所過者化, 所存者神, 上下與天地同流 : quân-tử đi đâu là hóa được người ta, làm điều gì là thần-diệu, trên dưới cùng đồng lưu với trời đất » (Tận-tâm, thượng). Người quân-tử phải có lòng tin ở đạo để làm chuẩn-dịch cho sự hành-vi của mình. « Quân-tử bất lượng, ô hồ chấp? 君子不量, 惡乎執? : Người quân-tử không có lòng tin, thì giữ cái gì làm cốt? » (Cáo-tử, hạ). Người quân-tử đã có lòng tin ở đạo, thì dầu chết cũng không bỏ. « Sinh diệc ngã sở dục giả, nghĩa diệc ngã sở dục giả. Nhị

giả bất khả đắc kiêm, xữ sinh nhi thủ nghĩa giả 生亦我所欲也, 義亦我所欲也. 二者不可得兼, 舍生而取義者也 : cái sống ta cũng muốn, điều nghĩa ta cũng muốn. Giả ta không thể giữ được cả hai, thì ta bỏ cái sống mà giữ lấy điều nghĩa vậy ». (Cáo-tử, thượng). Người quân-tử cứ hết lòng theo đạo mà ở đời, được thế nào đã có Trời. « Quân-tử hành pháp dĩ sĩ mệnh nhi dĩ hỹ 君子行法以俟命而已矣 : quân-tử theo phép của trời đất mà làm để đợi mệnh mà thôi » (Tận-tâm, hạ).

Đại-đề, sự học của Mạnh-tử chủ giữ lấy bản-tâm cho tinh-thuần, không để tư-dục làm mai-một mất cái tính chí thiện của Trời đã phú cho. Kẻ học-giả theo được cái tông-chỉ ấy ắt là thành người quân-tử có cái đức lớn, hiểu rõ thiên-lý chí công chí chính, và cứ an ở cái mệnh mà làm việc nghĩa. Cái mục-dịch của sự học ấy, cốt gây thành cái tâm-học rất sâu-xa và có cái đức-tính rất mạnh-mẽ, khiến người ta ở vào địa-vị nào, hay cảnh-ngộ nào, cũng giữ được phẩm-giá tôn-quí, không phụ cái tiếng làm người đứng trong trời đất.

II. CHÍNH - TRỊ TRIẾT - LÝ

Mạnh-tử đã lấy nhân-nghĩa làm bản-tính người ta, thì việc chính-trị tất cũng phải lấy nhân-nghĩa làm gốc. Cho nên khi ông sang nước Lương, vua Huệ-vương hỏi ông : « Ông có điều gì làm lợi cho nước Lương không? » Ông gạt đi mà nói : « Vương hà tất viết lợi. Diệc hữu nhân-nghĩa nhi dĩ hỹ 王何必曰利. 亦有仁義而已矣 : vua hà tất phải nói lợi. Chỉ có nhân-nghĩa mà thôi. Nếu ông vua nói rằng : làm thế nào cho lợi nước ta, quan đại-phu nói rằng : làm thế nào cho lợi nhà ta, kẻ sĩ và kẻ thứ-dân nói rằng : làm thế nào cho lợi thân ta ; kẻ trên người dưới ai nấy đều tranh nhau về việc lợi, thì nguy vậy » (Lương Huệ-vương, thượng). Lại một khi ông gặp người Tổng Hình toan đi

sang nước Tần, nước Sở, lấy điều lợi mà can hai nước ấy đừng đánh nhau nữa. Ông nói : « Nếu tiên-sinh lấy điều lợi mà nói với vua nước Tần, nước Sở, thì vua hai nước ấy ắt là vì lợi mà thôi sự đánh nhau ; nhưng nếu ai cũng chỉ thích vì lợi, thành ra người làm tôi lấy bụng mong lợi mà thờ vua, người làm con lấy bụng mong lợi mà thờ cha, người làm em lấy bụng mong lợi mà thờ anh. Vua tôi, cha con, anh em, đều bỏ cả nhân-nghĩa, chỉ đem cái bụng mong lợi mà tiếp đãi nhau, như thế mà nước không mất là chưa có vậy. Lấy nhân-nghĩa mà nói, thì người làm tôi đem lòng nhân-nghĩa mà thờ vua, người làm con đem lòng nhân-nghĩa mà thờ cha, người làm em đem lòng nhân-nghĩa mà thờ anh. Vua tôi, cha con, anh em, đều bỏ lợi, chỉ đem lòng nhân-nghĩa mà tiếp đãi nhau, như thế mà không trị được thiên-hạ, là chưa có vậy. Vậy thì hà tất phải nói lợi » (Cáo-tử, hạ).

Ý Mạnh-tử cho là nếu người ta ai cũng nghĩ đến điều lợi mà quên cả nhân-nghĩa, thì thành ra người ở đời cứ say-dắm vào chỗ lợi-lộc riêng của mình, rồi chỉ tìm cách mà phá hại lẫn nhau. Bởi đó mà sinh ra có sự biến-loạn và sự chiến-tranh, làm cho thiên-hạ phải nhiều nỗi lam-than. Rút cục lại, cái lợi tự-tư, tự-lợi ấy, chính là cái hại, chứ không phải là thật lợi. Nhân-nghĩa tuy không nói đến lợi, nhưng kỳ thực là cái lợi rất to, vì là người ở với nhau trong xã-hội, ai cũng đem lòng lo cái lợi chung cả đoàn-thể trước cái lợi riêng của mình, thành thử trên hòa dưới thuận, thiên-hạ được hưởng cái hạnh-phúc cả. Cái lợi chung ấy mới thật là lợi.

Mạnh-tử tuy thừa-nhận chính-thể quân-chủ, nhưng ông cho thiên-hạ là của chung của thiên-hạ, chứ người làm vua không có quyền được lấy thiên-hạ làm của riêng của mình. Cái quyền trị dân là do Trời trao cho, tức là do lòng dân ưng-thuận cho ai, thì người ấy mới được. Ông

nói rõ cái ý ấy ở thiên Vạn-Chương, thượng, Môn-đệ ông là Vạn - Chương hỏi : « Vua Nghiêu lấy thiên-hạ cho vua Thuấn, việc ấy có không ? — Mạnh-tử nói : Không. Thiên-tử không thể lấy thiên-hạ cho người khác được. — Vậy thì vua Thuấn có thiên-hạ là ai cho ? — Rằng : Trời cho. — Trời cho, thì chăm chăm bảo rõ ra hay sao ? — Rằng : Không. Trời không nói, chỉ lấy sự hành-vi với sự-nghiệp mà tỏ ra mà thôi ». Mạnh-tử lại lấy chuyện vua Nghiêu dâng vua Thuấn và vua Thuấn dâng vua Vũ cho Trời và dân thuận theo vua Thuấn và vua Vũ, đến vua Vũ dâng ông Ích cho Trời mà dân không theo ông Ích, để làm bằng-chứng ý dân là ý Trời.

Dân với Trời đã tương-quan với nhau như thế, thì trong thiên-hạ dân là quý hơn. Vậy nên Mạnh-tử nói : « Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh 民為貴，社稷次之，君為輕 : dân vi quý, xã-tắc là thứ, vua làm khinh » (Cáo-tử, hạ). Có đất mới có nước, có nước mới có vua. Cái chức-vụ người làm vua là phải « bảo dân 保民 », nghĩa là phải giữ-gìn cái hạnh-phúc của dân. Nếu người làm vua mà không hiểu rõ cái nghĩa - vụ ấy là làm việc trái lòng dân, tức là trái mệnh Trời. Người giữ quyền trị dân mà chỉ dùng mãnh-lực để áp-chế dân, là không có nghĩa-lý gì chánh-dáng cả.

Bởi cái tư-tưởng ấy, cho nên trong cái chính-trị triết-lý của Mạnh-tử có cái tinh-thần duy dân. Phàm cái chính-trị đã có cái tinh-thần duy dân, thì việc trị dân trị nước chỉ có phép công là trọng hơn cả, dầu ai có quyền-thể to thế nào cũng không ra ngoài phép công được. Phép công đã định, thì vua quan cho chí người thường dân không ai được vượt qua mà làm điều trái phép. Vì lẽ ấy cho nên Đào Ứng là môn-đệ Mạnh-tử hỏi : « Vua Thuấn làm thiên-tử, Cao Dao làm quan sĩ, Cồ Tâu giết người, thì làm thế nào ? » — Mạnh-tử trả lời : « Cứ việc bắt Cồ Tâu mà thôi. » — « Vậy thì vua Thuấn không cấm à ? »

— « Vua Thuấn cấm sao được. Phép truyền-thụ đời nọ qua đời kia là phép công vậy ». (*Tận-tâm, thượng*). Đã có phép công thì thiên-tử cũng không thể lấy quyền-thế mà bỏ được. Người làm quan giữ phép cứ theo phép mà trị tội, dẫu người có tội là ông Thái-thượng-hoàng cũng không tha. Ấy thế mới là công. Theo cái lý-tưởng ấy thì rõ là Mạnh-tử phát-minh ra chủ-nghĩa bình-dẳng trong luật-pháp, và cái tinh-thần lập hiến trong chính-thể quân-chủ vậy.

Mạnh-tử rất chú-trọng sự « bảo dân » cho nên ông bày tỏ ra nhiều ý-kiến rất có giá-trị về đường chính-trị. Ông cho là người làm vua lúc nào cũng lo đến cái hạnh-phúc của dân: cùng với dân mà hưởng sự phú-quí, cùng với dân mà chịu sự lo-sợ, thì không bao giờ dân bỏ mình được. « Lạc dân chi lạc giả, dân diệc lạc kỳ lạc; ưu dân chi ưu giả, dân diệc ưu kỳ ưu. Lạc dĩ thiên-hạ, ưu dĩ thiên-hạ, nhiên nhi bất vương giả, vị chi hữu giả 樂民之樂者,民亦樂其樂,憂民之憂者,民亦憂其憂.樂以天下,憂以天下,然而不王者,未之有也: người vui cái vui của dân, thì dân cũng vui cái vui của mình; người lo cái lo của dân, thì dân cũng lo cái lo của mình. Vì thiên-hạ mà vui, vì thiên-hạ mà lo, thế mà không làm vương thì chưa có vậy ». (*Lương Huệ-vương, hạ*).

Người trị dân trị nước là phải chăm lo việc dân, khiến cho dân được sung-túc, rồi phải dạy-dỗ dân, để cho dân đừng làm điều bậy. « Dân chi vi đạo giả, hữu hằng sản giả, hữu hằng tâm; vô hằng sản giả, vô hằng tâm. Cầu vô hằng tâm, phóng, tịch, tà, xỉ, vô bất vi giả. Cặp hãm hồ tội, nhiên hậu tòng nhi hình chi, thị võng dân giả 民之爲道也,有恆產者,有恆心;無恆產者,無恆心.苟無恆心,放,辟,邪,移,無不爲也.及陷乎罪,然後從而刑之,是罔民也: cái lỗi của dân, là người có của sản, thì có sản lòng tốt; người không có của sản, thì không có sản lòng tốt. Nếu không có sản lòng tốt, thì sinh ra phóng-dăng, chệnh-lệch,

gian-tà càn-rỡ, không có điều gì là không làm. Đến khi phạm tội, nhiên-hậu mới lấy hình-luật mà trừng-trị, thế là chăng lưới để đánh lừa dân ». (*Đặng Văn-công, thượng*). Bởi vậy cho nên: « Đấng minh quân chế-định tài-sản của dân, ắt là khiến cho ngừng lên đủ thờ cha mẹ, cưới vợ, nuôi con, năm được mùa thì được no luôn, năm mất mùa không đến nỗi chết. Được như thế rồi mới bắt dân làm điều lành, thì dân theo làm điều lành dễ lắm ». (*Lương Huệ-vương, thượng*).

Việc giáo-hóa là chức-vụ rất trọng-yếu trong việc chính-trị của Nho-giáo. Vua Nghiêu nói: « Lao chi, lại chi, khuông chi, trực chi, phụ chi, dục chi, sử tự đắc chi, hựu tòng nhi chấn đức chi 勞之,來之,匡之,直之,輔之,見之,使自得之,又從而振德之: an-ủi dân, vỗ-về dân, sửa cho ngay chính lòng tin-ngưỡng của dân, nắn cho thẳng đức-tính của dân, giúp-dỡ dân, che-chở dân, khiến tự mình biết vui và đạo, lại theo mà làm chấn-khởi cái đức của dân ». (*Đặng Văn-công, thượng*). Bởi vậy cho nên để-vương đời trước đặt nhà trường, nhà tự, nhà học, nhà hiệu, để dạy dân biết rõ nhân-luân, khiến cho người ta biết thân-yêu nhau và hiểu rõ hiếu-đễ, kẻ đầu hoa râm không phải mang đội ở dọc đường, kẻ già-cả có áo lụa mặc, có thịt ăn, người dân không đói không rét. (*Lương Huệ-vương, thượng*).

Chính-trị của Nho-giáo chủ lấy sự bảo dân làm cốt. Ông vua nào không theo tông-chỉ ấy, mà chỉ cần lấy sự vui-thú riêng của mình để dân phải chịu những điều cực-khổ, là ông vua bất nhân. Có khi ở trong nhà vua nuôi những súc-vật cho ăn béo tốt mà dân ở ngoài thì đói-khổ, không ai thương đến. « Cầu trệ thực nhân thực, nhi bất tri kiểm, đồ hữu ngã biểu, nhi bất tri phát. Nhân tử tắc viết: phi ngã giả, tuế giả. Thị hà dị ư thích nhân nhi sát chi, viết: phi ngã giả, bình giả 狗彘食人食,而不知檢,塗有餓殍,而不知發.人死則曰:非我也,歲也.是何異於割人而殺之,

曰：非我也，兵也：chó lợn ăn cái ăn của dân mà không xét, dọc đường có những thấy người chết đói mà không phát của trong kho ra cứu. Có người chết thì nói rằng: không phải tại ta, tại năm mất mùa đấy. Thế thì có khác gì cầm dao đâm người ta chết rồi nói: có phải ta giết đâu, con dao đấy». Người làm vua là làm cha mẹ dân, tất phải thương dân: «*Bảo hữu phi nhục, cứu hữu phi mã; dân hữu cơ sắc, dã hữu ngã biểu. Thử xuất thú nhi thực nhân giả. Thú tương thực, thả nhân ố chi. Vi dân phụ mẫu, hành chính, bất miễn ư xuất thú nhi thực nhân, ố tại kỳ vi dân phụ mẫu giả.* 庖有肥肉, 廄有肥馬; 民有饑色, 野有餓殍. 此率獸而食人也. 獸相食, 且人惡之. 為民父母, 行政, 不免於率獸而食人, 惡在其為民父母也: bēp có thịt béo, chuồng ngựa có ngựa béo; dân có sắc đói, ngoài đồng có thấy người chết đói. Thế là đem thú-vật ăn thịt người vậy. Thú-vật ăn thịt lẫn nhau, thì người ta ghét. Làm cha mẹ dân, làm việc chính-trị, mà không khỏi cái việc đem thú-vật ăn thịt người, thế thì làm cha mẹ dân dân có thể» (*Lương Huệ-vương, thượng*). Vậy người làm vua mà tàn-ngược như vua Kiệt, vua Trụ, thì người có nhân, có đức, như vua Thang, vua Vũ, được quyền trừ bỏ đi. Người nhân-đức trừ được kẻ tàn-bạo mà cứu dân thì không phải là người có tội. Bởi vậy Mạnh-tử mới nói: «*Tặc nhân giả, vị chi tặc, tặc nghĩa giả, vị chi tàn. Tàn tặc chi nhân vị chi nhất phu. Văn tru nhất phu Trụ hỹ, vị văn thi quân giả.* 賊仁者, 謂之賊, 賊義者, 謂之殘. 殘賊之人, 謂之一夫. 聞誅一夫紂矣, 未聞弑君也: người làm hại nhân gọi là tặc, người làm hại nghĩa gọi là tàn. Người tàn tặc gọi là một đũa không ra gì. Ta nghe nói: giết một đũa Trụ, chưa nghe nói: giết vua vậy». (*Lương Huệ-vương, hạ*).

Mạnh-tử theo lý-thuyết ấy mà định rõ nghĩa thế nào là *vương* thế nào là *bá*. Ông nói: «*Dĩ lực giả nhân giả bá; bá tất hữu đại quốc.* *Dĩ đức hành nhân giả*

vương; vương bất đãi đại 以力假仁者霸; 霸必有大國. 以德行仁者王; 王不待大: người dùng sức mạnh mà mượn tiếng làm điều nhân là bá; người làm bá tất phải có nước lớn. Người lấy đức làm điều nhân là vương; người làm vương không đợi có nước lớn». Người làm bá cần phải có sức mạnh luôn đề-dè-nén người ta cho nên phải có nước lớn; người làm vương thì chỉ cần người ta kính-phục, chứ không cần đến sức mạnh, cho nên không cần có nước lớn. «*Dĩ lực phục nhân giả, phi tâm phục giả, lực bất thiêm giả. Dĩ đức phục nhân giả, tâm trung duyệt nhi thành phục giả.* 以力服人者, 非心服也, 力不贖也. 以德服人者, 心中悅而誠服也: người lấy sức mạnh mà bắt người ta phục, là không phải người ta tâm phục, chỉ vì sức không đủ mà thôi. Người lấy đức mà làm cho người ta phục, thì trong lòng người ta yêu-mến và thành-thực mà phục vậy» (*Công-tôn Sửu, thượng*).

Người làm vua muốn cho dân kính-phục thì phải biết: «*Qui đức nhi tôn sĩ, hiền giả tại vị, năng giả tại chức, quốc gia nhân hạ, cập thị thời, minh kỳ chính hình* 責德而尊士, 賢者在位, 能者在職, 國家閒暇, 及是時, 明其政刑: qui kẻ có đức mà tôn người có học-thức, kẻ hiền ở ngôi, kẻ giỏi ở chức, nước nhà nhân-hạ, trong lúc ấy lo sửa-sang việc hình, việc chính cho phân-minh... *Kim quốc-gia nhân-hạ, cập thị thời, ban lạc đãi ngao, thị tự cầu họa giả. Họa phúc vô bất tự kỷ cầu chi giả* 今國家閒暇, 及是時, 般樂怠敖, 是自求禍也. 禍福無不自己求之者: nay quốc-gia nhân-hạ, trong lúc ấy mà vui chơi lười-biếng thì là mình tự cầu lấy cái vạ. Cái vạ hay cái phúc không có gì là chẳng phải tự mình cầu lấy» (*Công-tôn Sửu, thượng*).

Người muốn làm vương cả thiên-hạ thì phải: «*Phát chính, thi nhân, sử thiên-hạ sĩ giả giai dục lập ư vương chi triều; canh giả giai dục canh ư vương chi dã; thương cổ giai dục tàng ư vương chi thị; hành lữ giai dục xuất ư*

Kể làm tôi giúp vua phải hết sức khiến vua theo cái đạo nhân-nghĩa mà trị nước trị dân. « *Quân-tử chi sự quân giã, vụ dẫn kỳ quân dĩ đương đạo, chi ư nhân nhi dĩ 君之事也, 務引其君以當道, 志於仁而已*: người quân-tử thờ vua là vụ lấy dẫn ông vua theo đạo phải mà đi, cái chi là ở điều nhân mà thôi ». (*Cáo-tử, hạ*).

Thời Chiến-quốc bấy giờ, vua chúa các nước đều đổ chí vào sự doanh tư, mưu lợi, không ai nghĩ gì đến sự cứu dân, ai cũng chỉ lo việc tranh quyền cướp nước, gây ra nhiều sự chiến-tranh, làm cho thiên-hạ thật là khổ-sở. Bởi vậy Mạnh-tử hết sức công-kích chiến-tranh và những người vị danh, vị lợi mà làm hại dân. Đối với những hạng người ấy, ông nói lắm câu rất kịch-liệt.

Ông nói : « *Cổ chi vi quan giã, tương dĩ ngư bạo kim chi vi quan giã, tương dĩ vi bạo 古之爲國也, 將以禦暴; 今之爲也, 將以爲暴*: đời xưa làm chủ ai để ngăn chống sự tàn-bạo; đời nay làm chủ ai để làm điều tàn-bạo. (*Tận-tâm, hạ*). Nghĩa là đời xưa vua chúa lo giữ cho dân khỏi sự tàn-bạo, đời nay lo giữ cho vững cái thế-hực của mình mà làm điều tàn-bạo. »

« *Kim chi sự quân giã, viết : ngã năng vị quân tịch thổ địa, sung phủ khổ. Kim chi sở vị lương thần, cổ chi sở vị dân tặc giã. Quân bất hướng đạo, bất chi ư nhân, nhi cầu phú chi, thị phú Kiệt giã 今之事君者, 曰: 我能爲君辟土地, 充府庫. 今之所謂良臣, 古之所謂民賊也. 君不鄉道, 不志於仁, 而求富之, 是富桀也*: nay người thờ vua nói rằng: ta có thể vì vua mà mở rộng ruộng đất, làm đầy kho-tàng. Người mà đời nay bảo là lương-thần, đời xưa cho là dân-tặc. Ông vua không theo đạo phải, không để chỉ làm điều nhân, mà lại theo giúp làm giàu cho ông vua ấy, tức là làm giàu cho vua Kiệt vậy ». (*Cáo-tử, hạ*).

Công-kích chiến-tranh, thì ông nói : « *Hữu nhân viết : ngã thiện vi trận, ngã thiện vi chiến, đại tội giã 有人*

曰: 我善爲陣, 我善爲戰, 大罪也: có người nói: ta giỏi bày trận, ta giỏi đánh giặc. Như thế là tội lớn vậy » (*Tận-tâm, hạ*). Ông lại nói : « *Quân bất hành nhân chính, nhi phú chi, giai khi ư Khổng-tử giả giã. Huống ư vi chi cường chiến. Tranh địa dĩ chiến, sát nhân doanh dã; tranh thành dĩ chiến, sát nhân doanh thành, thử sở vị suất thổ địa nhi thực nhân nhục, tội bất dung ư tử. Cổ thiện chiến giả, phục thượng hình; liên chư - hầu giả, thứ chi; tịch thảo lai, nhiệm thổ địa giả, thứ chi 君不行仁政, 而富之, 皆棄於孔子者也. 況於爲之強戰. 爭地以戰, 殺人盈野; 爭城以戰, 殺人盈城; 此所謂率土地而食人肉, 罪不容於死. 故善戰者, 服上刑; 連諸侯者, 次之; 辟草萊, 任土地者, 次之*: ông vua không làm nhân-chính mà theo làm giàu cho ông vua ấy, Khổng-tử cho là không phải vậy. Huống chi lại vì ông vua ấy mà làm những điều cường chiến. Đánh nhau để lấy đất, giết người đầy đồng; đánh nhau để lấy thành, giết người đầy thành; như thế gọi là đem đất ăn thịt người, tội ấy đem xử tử còn chưa hết tội. Cho nên kẻ thiện chiến thì nên chịu thượng hình, kẻ liên-hợp chư-hầu để đánh nhau thì nên chịu tội thứ, kẻ bắt dân đi mở chỗ rừng rậm để làm ruộng đất cho vua thì nên chịu tội thứ nữa » (*Lý-Lâu, thượng*).

Nói rút lại, học - thuyết của Mạnh-tử về đường chính-trị là cốt lấy sự hòa-bình mà bảo-tồn lấy dân. Đó là do sự cảm - xúc của hoàn-cảnh đương thời, dân-tình khổ-sở vì nổi vua chúa tranh quyền tranh lợi thiên-hạ loạn-lạc, cho nên ông muốn đem cái đạo lớn của thánh-hiền mà khuyên-răn mọi người, khiến cho ai nấy đều hồi tưởng lại, lấy nhân-nghĩa mà đối với quốc-gia để cứu-vớt muôn dân. Chính-sách của ông là chính - sách cứu đời vậy.

III. TÀI - NGHỆ CỦA MẠNH - TỬ

Bài - xích các học - thuyết khác. Trong thời Mạnh-tử, các học-thuyết thịnh - hành lên, có nhiều học - thuyết

xung-dột nhau kịch-liệt lắm, mà nhất là cái học của họ Dương và họ Mặc lại có thế-lực rất mạnh. « *Dương-tử thủ vị ngã, bất nhất mao nhi lợi thiên-hạ, bất vi giả. Mặc-tử kiêm ái, ma đỉnh phóng chủng, lợi thiên-hạ, vi chi* 楊子取為我，拔一毛而利天下，不為也。墨子兼愛，摩頂放踵，利天下，為之：Dương-tử thì lấy vị ngã làm chủ-nghĩa, nhờ một cái lông mà lợi cả thiên-hạ cũng không làm. Mặc-tử thì lấy kiêm ái làm chủ-nghĩa, dẫu nhân trần mòn gót mà lợi thiên-hạ, cũng làm ». (*Tận-tâm, thượng*).

Mạnh-tử cực-lực bài-xích những học-thuyết ấy, đề làm cho sáng rõ cái đạo của Khổng-tử. Có người bảo ông ông hay biện - bác lắm. Ông trả lời: « *Dư khởi hiên biện tại! Dư bất đắc dĩ giả* 予豈好辯哉! 予不得已也! há phải ta muốn biện-bác đâu! Ta bất đắc dĩ đó thôi ». Thánh-vương không có, chư-hầu phóng-tứ, những kẻ xử-sĩ bàn ngang. Cái học của Dương Chu 楊朱 và Mặc Địch 墨翟 đầy khắp thiên-hạ. Người trong thiên-hạ không học theo họ Dương, thì học theo họ Mặc. Họ Dương theo chủ-nghĩa vị ngã, ấy là không có vua; họ Mặc theo chủ-nghĩa kiêm ái, ấy là không có cha (7). Không có cha không có vua, là cầm-thú vậy Nếu cái đạo của họ Dương, họ Mặc không tắt đi, cái đạo của Khổng-tử không sáng rõ ra, thì những tà-thuyết sinh ra để lừa-dối dân, làm tắt mất nhân-nghĩa. Nhân-nghĩa đã tắt mất, thế là đem giống thú ra để ăn thịt người, rồi đến người ăn thịt lẫn nhau. Ta lấy điều ấy làm sợ, giữ cái đạo của tiên-thánh, chống lại họ Dương họ Mặc, đuổi xa những dâm-tử tà-thuyết, khiến cho không khởi lên được. Vì rằng những dâm-tử tà-thuyết đã khởi

(7) Dương Chu theo cái học-thuyết của Lão-tử, chỉ biết yêu thân mình mà không biết cái ý-nghĩa *trí thân* 致身, tức là bỏ mình mà thờ vua, cho nên là không có vua. Mặc Địch theo cái chủ-nghĩa kiêm ái, coi người chỉ thân chẳng khác gì người đi đường, nên là không có cha.

phát ra ở lòng người thì hại cho việc làm, mà đã khởi phát ra ở việc làm thì hại cho chính-thể. . . . Ta muốn sửa lòng người cho ngay-chính, làm tắt những tà-thuyết, ngăn-cấm những việc làm chênh-lệch, đuổi xa những lời nói bậy, đề theo cái đạo của thánh-nhân. Há phải là ta muốn biện-bác đâu! Ta bất đắc dĩ đó thôi. » (*Đằng Văn-công, hạ*).

Thuở ấy lại có Hứa Hành ở nước Sở xưng lên cái thuyết nông - phổ, lấy sự cày-cấy làm chủ-nghĩa. Theo cái học ấy thì trong nước, bất cứ vua chúa, hay người thường dân, ai cũng phải cày lấy ruộng, nấu lấy cơm mà ăn. Hứa Hành từ nước Sở đến nước Đằng, nói với Đằng Văn-công rằng: « *Hiên giả dữ dân tịnh canh nhi thực, ung sơn nhi trị. Kim giả Đằng hữu thương lâm phủ khổ, tắc thị lệ dân nhi tự dưỡng giả* 賢者與民並耕而食，棄穰而治。今也非有倉廩府庫，則是厲民而自養也：kẻ hiền-giả cùng cày ruộng với dân, buổi sáng buổi tối nấu lấy mà ăn, mà trị việc thiên-hạ. Nay nước Đằng có kho-tàng đựng đầy thóc gạo và của-cải, thế làm hại dân để nuôi mình vậy ».

Lúc ấy có Trần Tương theo học cái đạo của Hứa Hành và đem đạo ấy nói với Mạnh-tử. Mạnh-tử lấy cái đẳng-cấp cần phải có ở trong xã-hội mà bài-bác cái học ấy. Ông nói: « Có việc của bậc đại-nhân, có việc của bậc tiểu-nhân. Nếu đem cái thân một người mà làm việc trăm người, việc gì cũng phải làm lấy mà dùng, thế ra bắt thiên-hạ cứ chạy luôn ở ngoài đường. Cho nên nói rằng: « *Hoặc lao tâm, hoặc lao lực. Lao tâm giả trị nhân, lao lực giả trị ư nhân. Trị ư nhân giả tự nhân, trị nhân giả tự ư nhân. Thiên-hạ chi thông nghĩa giả* 或勞心，或勞力。勞心者治人，勞力者治於人。治於人者食人，治人者食於人。天下之通義也：hoặc lao tâm, hoặc lao lực. Người lao tâm thì trị người, người lao lực thì để người ta trị mình. Kẻ để người ta trị mình thì phải nuôi người ta, kẻ trị người thì

được người ta nuôi mình. Cái thông nghĩa của thiên-hạ là thế vậy».

Trần Tương nói rằng: «Cứ theo cái đạo của Hứa-tử, thì chợ không có hai giá, trong nước không có sự giả-dối. Dẫu sai đưa trẻ con đi ra chợ, cũng không bị ai lừa-đảo. Tấm lụa tấm vải dài-ngắn bằng nhau, thì cũng bán một giá; gai, sợi, tơ, bông, nặng nhẹ bằng nhau, thì cũng bán một giá; gạo-thóc nhiều ít bằng nhau, thì cũng bán một giá; giấy-dép lớn nhỏ bằng nhau, thì cũng bán một giá». Mạnh-tử trả lời: «Phù vật chi bất tề, vật chi tình giả 夫物之不齊,物之情也: phẩm vật mà không đều nhau, là sự thực của vật vậy. Có cái hơn gấp đôi gấp năm, có cái hơn gấp mười gấp trăm, có cái hơn gấp nghìn gấp vạn, ông đem cho như nhau cả, ấy là loạn thiên-hạ. Giả-sử làm dép lớn dép nhỏ mà bán đồng một giá thì coi có ai còn làm dép lớn nữa không? Vậy theo cái đạo của Hứa-tử, thành ra bảo nhau mà làm điều giả-dối. Như thế thì thế nào được quốc-gia?» (Đặng Văn-công, thượng). Theo cái thuyết của Hứa Hành, thì chỉ nói cái lượng là dài ngắn, nặng nhẹ, lớn nhỏ, để định giá bằng nhau mà thôi, chứ không nghĩ đến cái phẩm là tinh-thô, xấu đẹp, khéo-vụng. Mạnh-tử lấy cái phẩm của vật không thể đồng được mà bác thuyết của Hứa Hành.

Cái quan-niệm cho người ở trong xã-hội có giai-cấp và vạn vật ở trong vũ-tru có sai-dăng là một điều rất trọng yếu trong Nho-giáo. Có giai-cấp, có sai-dăng, thì mới có cái đạo điều-hòa, khiến cho vạn vật các đặc kỳ sở để cùng nhau theo thiên-lý mà lưu-hành, mà tiến-hóa ở trong trật-tự. Thiết tưởng đó là sở-trường của Nho-giáo.

Văn-tử và học-văn của Mạnh-tử. Mạnh-tử là người hiểu rõ cái đạo của Khổng-tử và lại lĩnh-hội được hết các ý-nghĩa uyên-áo trong sáu kinh. Ông rất sùng-bái

Khổng-tử, cho nên điều gì ông cũng thường hay lấy Khổng-tử làm tiêu-chuẩn. Ông nói: «Khổng-tử thánh chi thời giả giả 孔子聖之時者也: Khổng-tử là bậc thánh về thời vậy». Nghĩa là ngài có gồm hết cả cái đức tốt của các bậc thánh khác, và ở vào thời nào cũng ứng-dụng được. Ông lại nói: Khổng-tử là bậc tập đại thánh 集大成. Tập đại thánh là nói gồm cả tiếng kim thanh và tiếng ngọc chấn. Kim thanh là tiếng chuông khởi đầu để điều-lý cả các tiếng hòa-nhạc, ngọc chấn là tiếng khánh cuối cùng để điều-lý cả các tiếng hòa-nhạc. Điều-lý lúc đầu là việc trí, điều-lý lúc cuối là việc thánh». (Vạn-Chương, hạ). Ý nói là Khổng-tử có đủ cả trí và đức, gồm cả mỗi đầu và mỗi cuối cái đạo rất hoàn-toàn vậy.

Ông muốn đem sở-đắc của ông để tùy thời mà hành đạo. Ông thấy thuở ấy nhà Chu đã suy-nhược lắm rồi, vua các nước chư-hầu không ai biết đến vua nhà Chu nữa, cho nên không những là ông không nói đến sự tôn nhà Chu như Khổng-tử, mà lại khuyên vua các nước nên làm điều nhân-chính để làm vương cả thiên-hạ. Dẫu ông không gặp được cơ-hội mà thi-thố tài-năng của mình, song nhờ có những lời biện-luận mạnh-mẽ của ông mà cái đạo của thánh-nhân sáng rõ ra được. Thật ông là một người có công rất lớn trong Nho-giáo. Nhưng vì cái học của ông không được thuần-túy và hàm-súc bằng cái học của Khổng-tử, cho nên hậu-thế gọi ông là á-thánh, nghĩa là gần bậc thánh, chứ chưa được là thật bậc thánh.

Cái học của ông đã rộng, cái văn của ông lại có cái anh-khí làm cho lời văn rất mạnh. Có lắm chỗ lời ông nói rất là thiết-tha chặt-chẽ. Khi ông đã bài-bác điều gì, thì ông xoắn chặt lấy điều ấy và dùng câu hỏi mà xoay mãi cho đến khi người ta phải chịu, không trả lời được nữa mới thôi. Trong những lời biện-bác của ông, bao giờ mạch-lạc văn quán-thông, nghĩa-lý văn rõ-ràng. Khi ông nghị-

luận điều gì, thì ông hay lấy những chuyện giản-dị dễ việc chứng cho rõ lý-thuyết của ông. Có lần khi ông muốn sửa nét xấu của người ta, thì ông kể một chuyện nào rồi đem ý-tứ rút vào trong mấy lời kết-thúc sau cùng. Như khi ông chê những kẻ tham danh-lợi làm những điều đê-hạ mà không biết xấu-hỗ, thì ông lấy chuyện một người nước Tề làm thí - dụ. Ông nói: « Một người nước Tề cùng ở một nhà với hai vợ. Người ấy cứ ngày ngày đi đâu về cũng thấy no say. Người vợ cả hỏi đi ăn - uống với ai thì người ấy nói đi ăn-uống rất với những người sang-giàu cả. Người vợ cả bảo người vợ lẽ rằng: « Chồng ta đi đâu thì cũng ăn uống no say rồi mới về. Hỏi thì nói rằng: đi ăn-uống với những người sang-giàu hết cả. Thế mà ta chưa thấy ai là người sang-trọng đến nhà ta. Ta sẽ dò xem chồng ta đi những đâu ». Ngày hôm sau, sáng dậy, người vợ cả lên đi theo người chồng. Đi khắp mọi nơi, không thấy ai đứng nói chuyện với chồng mình. Sau thấy người chồng đi đến xóm phía đông, chỗ có người đang cái mả, xin những đồ người ta cúng lễ xong mà ăn; ăn chưa đủ, lại nghênh lên trông xem có chỗ nào lại đi đến xin ăn nữa. Ấy là cái cách của người ấy làm cho được no say là thế. Người vợ cả về nói với người vợ lẽ rằng: « Người chồng là người của ta trông-cậy suốt đời, nay đê-hạ như thế đây ». Người vợ cả nói cái xấu-xa của chồng với người vợ lẽ, rồi cả hai người cùng khóc ở giữa sân. Người chồng không biết, hớn-hở đi từ ngoài vào, lên mặt với hai vợ.

« Cứ người quân-tử xét ra, thì người cầu phú-quí lợi-đạt, mà thê-thiếp không xấu-hỗ và không khóc với nhau, là ít có vậy ». (Ly-Lâu, hạ).

Lối lập ngôn như thế rất dễ hiểu, mà xem không mỏi, không chán. Song lời văn của Mạnh-tử thường hay có gò có cạnh, không được ôn-nhuận như lời văn của Khổng-tử. Lời văn của Khổng - tử là lời nói của ông thầy, câu nào

cùng sung-thiệm hàm-súc, thật đáng là bậc thánh-sư muôn đời. Lời văn của Mạnh-tử là lời nói của một người đi truyền đạo, có khí-tượng hùng-kinh và bộc-trực, rất đáng giúp thánh-nhân làm cho rõ mỗi đạo vậy.

Bộ sách *Mạnh-tử* và sách *Luận-ngữ*, sách *Đại-học*, sách *Trung-dụng* cùng với năm Kinh của Khổng-tử là mấy bộ sách cốt-yếu của Nho-giáo. Về đường học-vấn của Nho-giáo thì sách *Mạnh-tử* rất có giá-trị. Trình Y-xuyên đời nhà Tống nói: « Kẻ đi học nên lấy sách *Luận-ngữ* và sách *Mạnh-tử* làm cốt. Đã biết được hai bộ sách ấy, thì không cần phải học năm Kinh cũng rõ được đạo của thánh-hiền ».

Phái chính-truyền của Nho-giáo là phái Tăng-tử ở nước Lỗ, truyền đến Mạnh-tử là hết. Về sau học-trò ông không có ai nổi được đạo-thống, thành thử cái học của Nho-giáo càng ngày càng sai-lầm mãi đi. Và ngay đời Chiến-quốc bấy giờ, sau Mạnh-tử độ bốn năm mươi năm trong Nho-giáo đã có học-phái thiên về cái thuyết tính ác, đối với việc thực-hành và việc chính-trị thì chủ lấy lễ-nghi và hình-pháp làm tông-chỉ. Phái này là phái của Tuân-tử, ta sẽ xét ở thiên sau.

THIÊN IX

TUÂN - TỬ

Phái Tăng-tử nước Lỗ truyền đến Mạnh-tử rồi không có người nối được đạo - thống nữa. Hậu-nho cho Khổng-giáo truyền đến đó là gián-đoạn, mãi đến đời nhà Tống mới có bọn Chu Liêm-khê, Trình Minh-đạo và Trình Y-xuyên tiếp-tục được cái mối học cũ. Xét ra, từ Mạnh-tử về sau tinh - thần của Khổng - giáo có phần kém đi nhiều. Về cuối đời Chiến-quốc, các học-phái của Nho-giáo tuy hãy còn nhiều, nhưng phái nào cũng chỉ chuyên về mặt lễ-nghĩa và chính-trị mà thôi, chứ cái học uyên-áo như lúc đầu không có nữa. Xem như sau Mạnh-tử độ bốn năm mươi năm, ở vùng nước Triệu, có Tuân-tử là một cự-tử trong Nho-giáo, thế mà học - thuyết đầu có nhiều điều rất tinh - vi, nhưng tông - chỉ đã khác với tông - chỉ của Khổng-giáo rồi.

Tuân-tử 荀子 tên là Huống 况, tự là Khanh 卿, người nước Triệu. Ông sinh năm nào và mất năm nào, sách không nói rõ, nhưng cứ theo sách *Sử-ký* của Tư-mã Thiên, thì khi ông đã 50 tuổi mới sang du-học ở nước Tề. Các nhà khảo - cứu tính ra ông sinh vào quãng năm 315 và 310 trước Tây-lịch, kém Mạnh-tử độ năm sáu mươi tuổi. Đến quãng năm 265 và 260 thì ông sang nước Tề, cách mấy

năm ông sang nước Tần, rồi về nước Triệu. Sau cùng vào quãng năm 255 ông sang nước Sở. Lúc ấy Xuân-thân-quân làm tướng nước Sở, dùng ông làm quan lệnh ở đất Lan-lãng. Năm 238, Xuân-thân-quân mất thì ông thôi quan nhưng vẫn ở đất Lan-lãng đến quãng năm 230 trước Tây-lịch thì mất, thọ độ chừng hơn 80 tuổi.

Sách của ông để lại hiện nay có một bộ gọi là *Tuân-tử*, tất cả là 32 thiên. Cứ theo những lời bàn của các nhà khảo-cứu thì trong 32 thiên ấy chỉ có thiên *Thiên-luận*, *Giải-tế*, *Chỉnh-danh* và *Tính-ác* là chính thật cái tinh-hoa của *Tuân-tử*, còn các thiên khác thì có lắm chỗ của người đời sau phụ-họa vào hoặc sai-lạc đi nhiều.

Không rõ *Tuân-tử* thuộc về học-phái nào trong Nho-giáo. Có người nói rằng ông thuộc về phái Tử-Hạ, nhưng không có bằng-chứng gì xác-thực. Và xem ở cuối thiên *Phi-thập-nhị tử* có chỗ ông chê sự hành-dộng của học-phái Tử-Trương, Tử-Hạ và Tử-Du. Ông nói: « *Vả hẳn nhĩ Thuấn xu, thị Tử-Trương thị chi tiện nho giả; chính kỳ y quân, lễ kỳ nhan sắc, hàm nhiên nhĩ chung nhật bất ngôn, thị Tử-Hạ thị chi tiện nho giả; thâu nhu đản sự, vô liêm-sĩ nhĩ thị ăm-thực, tất viết quân-tử cổ bất dụng lực, thị Tử-Du thị chi tiện nho giả* 禹行而舜趨,是子張氏之賤儒也;正其衣冠,齊其顏色,嚙然而終日不言,是子夏氏之賤儒也;偷儒慢事,無廉耻而奢飲食,必曰君子固不用力,是子游氏之賤儒也: đi theo lối vua Vũ, tới theo lối vua Thuấn, ấy là bọn tiện-nho của họ Tử-Trương; sửa mũ-áo cho ngay-chính, giữ dáng-diệu cho đều-dặn, ngậm miệng cả ngày không nói điều gì, ấy là bọn tiện-nho của họ Tử-Hạ; rút-rè, sợ việc, không có liêm-sĩ mà thích ăn-uống, cứ nói là quân-tử vốn không dùng sức làm việc gì, ấy là bọn tiện-nho của họ Tử-Du ». Nếu ông là học-trò những phái ấy thì đã không có lời phê-bình như thế. Vậy chắc là *Tuân-tử* không phải thuộc về phái Tử-Hạ.

Xem trong sách *Tuân-tử* có nhiều chỗ như ở thiên *Phi-tướng*, thiên *Phi-thập-nhị tử* và thiên *Nho-hiệu*, *Tuân-*

tử đem Tử-Cung 子弓 đứng liền với Khổng-tử và cho là hai bậc thánh-nhân, hai bậc đại-nho. Ông nói ở thiên *Phi-thập-nhị tử* rằng: « Không có chỗ đất cắm cái dùi, mà bậc vương-công không thể cùng với những người ấy tranh cái danh-dự. Ở cái ngôi một bậc đại-phu mà một ông vua không thể nuôi được, một nước không thể dung nổi. Cái danh-dự của những người ấy không ai so-sánh được, cho nên Chư-hầu ai cũng muốn được những người ấy mà dùng. Những người ấy là bậc thánh-nhân không đặc thời-thế. Ấy là Khổng-tử và Tử-Cung. Lấy thiên-hạ làm một, tài bồi cho muôn vật, gây nuôi nhân-dân, gồm lợi cho thiên-hạ. Chỗ nào có người ở thì không có ai là không phục-tòng, lục-thuyết im lặng, thập-nhị-tử (1) đều biến-đổi thành hay. Ấy là lúc những bậc thánh-nhân đặc thế như vua Thuấn vua Vũ vậy. Nay những bậc thánh-nhân nên làm những việc gì? Trên phải theo chế-độ vua Thuấn vua Vũ, dưới phải theo nghĩa Trọng-Ni và Tử-Cung, để làm cho im cái thuyết của thập-nhị-tử. Như thế thì trừ được cái hại của thiên-hạ, làm hết được cái việc của bậc nhân-nhân, và làm rõ được cái sự-tích của thánh-vương ».

Xem lời *Tuân-tử* nói Tử-Cung mà cung-kính như thế, thì có lẽ ông là học-trò phái Tử-Cung. Nhưng Tử-Cung là ai? Sách *Hán-thư Nho-lâm truyện* chép: « Đời chiến-quốc có Hàn-Tý 韓非 tên tự là Tử-Cung, người đất Giang-đông có học Dịch ». Song ngoài sự học Dịch ra, thì không có danh-tiếng gì khác nữa. Vậy nên có người nói rằng Tử-Cung tức là Trọng-Cung. Đó cũng là lời nói phỏng mà thôi, chứ không lấy gì làm đích-xác cho lắm.

(1) Lục-thuyết là sáu cái thuyết của mười hai nhà triết-học mà *Tuân-tử* đã bác ở thiên *Phi-thập-nhị tử*. Mười-hai nhà triết-học ấy là Đà-Hiệu và Ngụy-Mâu, Trần-Trọng và Sử-Do, Mặc-Địch và Tống-Hình, Thân-Đạo và Điền-Biên, Huệ-Thi và Đặng-Tích, Tử-Tư và Mạnh-tử.

Dẫu Tuân-tử thuộc về phái nào mặc lòng, ông là một nhà đại-nho về cuối đời Chiến-quốc. Thuở ấy ở nước Tàu, Nho-giáo, Lão-giáo và Mặc-giáo đều thịnh-hành cả. Cao học-giả xuất-nhập ở ba học thuyết ấy, nhưng mỗi người theo một tông-chỉ, hoặc thiên về mặt kiêm ái, hoặc thiên về mặt vị ngã, hoặc sùng-bái thiên-nhiên, hoặc chú-trọng về mặt khoa-học hay là triết-lý, hoặc chú-trọng về mặt chính-trị và hành-pháp. Các học-thuyết phân vân công-kích lẫn nhau, thật là một thời-đại học-thuật rất thịnh vậy. Những học-giả thời ấy ai cũng khuynh-hướng về mặt biện-thuyết, lấy văn-từ mà tranh hơn tranh kém. Chính những người bèn Nho-giáo cũng theo phong-trào ấy mà bỏ mất thái-độ khuếch-nhiên thái-công của Khổng-giáo lúc đầu. Tuân-tử cũng dùng lối biện-luận mà công-kích các học thuyết khác. Trong sách của ông thường hay bàn đến những học-thuyết ấy và những lời ông phê-bình có lắm điều rất có giá-trị. Ông nói ở thiên *Thiên-luận*: « *Thận-tử hữu kiến ư hậu, vô kiến ư tiên; Lão-tử hữu kiến ư truất, vô kiến ư thân; Mặc-tử hữu kiến ư tề, vô kiến ư ky; Tống-tử hữu kiến ư thiêu, vô kiến ư đa. Hữu hậu nhi vô tiên, tắc quần chúng vô môn; hữu truất nhi vô thân, tắc qui tiện bất phân; hữu tề nhi vô ky, tắc chính lệnh bất thi; hữu thiêu nhi vô đa, tắc quần chúng bất hóa* 慎子有見於後,無見於先;老子有見於拙,無見於信;墨子有見於齊,無見於畸;宋子有見於少,無見於多.有後而無先,則羣衆無門;有拙而無信,則貴賤不分;有齊而無畸,則政令不施;有少而無多,則羣衆不化: Thận-tử có thấy ở sau không thấy ở trước; Lão-tử có thấy ở lẽ truất không thấy ở lẽ thân; Mặc-tử có thấy ở cái nhất-tề, không thấy ở cái không nhất-tề; Tống-tử có thấy ở cái ít, không thấy ở cái nhiều (2). Có sau mà không có

(2) Tống-tử nói rằng: « *Nhân chi tình dục quả, nhi giai dĩ kỷ chi tình vi dục đa* 人之情欲寡,而皆以己之情為欲多: cái tình của người thì muốn ít, mà đều cho cái tình của mình làm muốn nhiều ».

trước, thì quần-chúng không có môn-hộ mà ra; có lẽ truất mà không có lẽ thân thì sang-hèn không phân-biệt; có nhất-tề mà không có sai-đẳng, chính-lệnh không thi-thở ra; có cái ít mà không có cái nhiều thì quần-chúng không hóa ». Đó là ông chê những nhà triết-học ấy đều thiên chứ không có cái trung. Thường các học-thuyết mà thiên đi như thế là vì có điều ứ-trệ, không thông, cho nên ông nói: « *Mặc-tử tề ư dụng nhi bất tri văn; Tống-tử tề ư dục nhi bất tri đắc; Thận-tử tề ư pháp nhi bất tri hiên; Thân-tử tề ư thể nhi bất tri tri; Huệ-tử tề ư từ nhi bất tri thực; Trang-tử tề ư thiên nhi bất tri nhân. Cố do dụng vị chi, đạo tận lợi hỹ; do dục vị chi, đạo tận hàm hỹ; do pháp vị chi, đạo tận số hỹ; do thể vị chi, đạo tận tiện hỹ; do từ vị chi, đạo tận luận hỹ; do thiên vị chi, đạo tận nhân hỹ. Thử sở cụ giả, giai đạo chi nhất ngưng giả* 墨子蔽於用而不知文;宋子蔽於欲而不知得;慎子蔽於法而不知賢;申子蔽於勢而不知知;惠子蔽於辭而不知實;莊子蔽於天而不知人.故由用謂之,道盡利矣;由欲謂之,道盡嗛矣;由法謂之,道盡數矣;由勢謂之,道盡便矣;由辭謂之,道盡論矣;由天謂之,道盡因矣.此數具者,皆道之一隅也: Mặc-tử bị tề-tắc về cái dụng mà không biết cái văn; Tống-tử bị tề-tắc về cái dục mà không biết cái được; Thận-tử bị tề-tắc về pháp-luật mà không biết dùng người hiên; Thân-tử bị tề-tắc về quyền-thế mà không biết dùng trí; Huệ-tử bị tề-tắc về hư-từ mà không biết cái thực lý; Trang-tử bị tề-tắc về trời mà không biết có người. Cho nên theo cái dụng, thì cái đạo của thiên-hạ chú hết cả về sự cầu lợi; theo cái sở-dục của người ta mà không biết có sự hạn-chế, thì cái đạo của thiên-hạ chú hết cả về sự thỏa-thích; theo pháp-luật thì cái đạo của thiên-hạ chú hết cả về thuật-số; theo quyền-thế thì cái đạo của thiên-hạ chú hết cả về sự tiện-lợi; theo cái hư-từ thì cái đạo của thiên-hạ chú hết cả về biện-luận; theo trời thì cái đạo của thiên-hạ chú hết cả về nguyên-nhân. Mấy điều ấy đều là một góc của đạo vậy » (*Giải-tế, XXI*).

Đại đề cái học của Tuân-tử thường chủ ở sự bài-bác các học-phái để phát-minh Nho-giáo ra. Song cũng vì ông quá thiên về sự biện-luận cho nên cái học của ông tuy có phần sở trường về đường luận-lý, nhưng lại sở đoản về đường tâm-đắc. Ấy bởi thế mà thành ra không đúng với tinh-thần của Khổng-giáo.

Tuân-tử tuy là một cự-tử trong Nho-giáo, nhưng vì ông hấp-thụ cái không-khí đời Chiến-quốc, cho nên ông thiên về mặt biện-luận mà bỏ mất cái lối tâm-học uyên-bác của Khổng-giáo. Ông không nói đến cái nghĩa rộng chữ *nhân* của Khổng-tử, và chỉ hiểu cái nghĩa hẹp chữ *nhân* là *ái-nhân* 愛人 mà thôi; và ông lại không nhận có cái lương-tri lương-năng của Mạnh-tử, thành thử cái khởi-diểm đã sai thì cái học-thuyết có nhiều chỗ không đúng nữa. Bởi vậy hậu-nho vẫn không nhận cái học của ông là chính-truyền. Nhưng vì cái học ấy có ảnh-hưởng rất lớn với Nho-học về sau, cho nên ta phải chú-ý mà xét cho tường-tận.

Nay ta muốn biết rõ cái học của Tuân-tử sở đồng sở dị với cái học của Khổng-tử và Mạnh-tử là thế nào, ta nên xét trong sách *Tuân-tử* xem cái học ấy sở-chủ ở những điều gì. Trừ ra cái học thượng-lễ, chính-danh và trọng vương khinh bá, vốn là ở trong phạm-vi của Nho-giáo, thì cái học của Tuân-tử có ba điều rất đặc biệt: 1. *Bất dĩ thiên tranh chức*; 2. *Tính ác*; 3. *Pháp hậu vương*.

Về đường triết-lý thì Tuân-tử cho Trời với người không quan-hệ gì với nhau, cho nên ông chỉ muốn biết việc người mà không muốn biết việc Trời. Về đường giáo-dục, thì ông không nhận cái nghĩa *thiên mệnh chi vị tính*, *suất tính chi vị đạo*, cho nên ông cho tính người là ác, và cần phải dùng lễ-nghĩa để hóa dờ ra hay. Về đường xã-hội và chính-trị, thì ông cho xưa nay vốn là một lý, chứ không có điều gì khác, vậy theo tiên vương thì xa quá, không biết rõ được các chế-độ, chỉ bằng cứ theo hậu vương mà làm.

Đó là ba yếu-diểm trong sự học của Tuân-tử, mà chính là ba điều tương-phản với cái tông-chỉ của Khổng-giáo. Bởi những lẽ ấy, cho nên cái học của ông tuy không phải là không có phần thâm viễn, nhưng vẫn không được ung-dung hoằng-đại như cái học của Khổng Mạnh.

Nay ta chia học-thuyết của Tuân-tử ra những mục như sau này:

- I. Quan-niệm về Trời và người
- II. Tâm-lý-học
- III. Chính-danh-học
- IV. Giáo-dục triết-lý
- V. Chính-trị triết-lý

I. QUAN - NIỆM VỀ TRỜI VÀ NGƯỜI

Thiên nhân bất tương quan. Tuân-tử cũng tin có Trời, nhưng ông cho đạo trời không quan-hệ gì đến đạo người. Việc trị loạn, cuộc thịnh-suy là do người làm ra chứ không phải là tại Trời. Ông nói: « *Thiên hành hựu thường, bất vị Nghiêu tồn, bất vị Kiệt vong. Ứng chi dĩ trị tắc cát, ứng chi dĩ loạn tắc hung* 天行有常, 不為堯存, 不為桀亡. 應之以治則吉, 應之以亂則凶. Việc làm của Trời có đạo thường, không vì vua Nghiêu mà đạo ấy còn, không vì vua Kiệt mà đạo ấy mất. Lấy sự trị mà đối-phó với đạo ấy, thì lành; lấy sự loạn mà đối-phó với đạo ấy, thì dữ ». (*Thiên-luận*, XVII). Cứ như ý-kiến ấy, thì việc hay việc dở của người ta là tự người ta làm ra. Trời không có can-thiệp gì đến cả. Bởi vậy mới nói: « Làm cho mạnh cái gốc, mà sự dùng có tiết-độ, thì Trời không thể làm cho nghèo-đói được; dự-bị sự nuôi và hành-động thuận thời, thì Trời không thể gieo bệnh-tật cho được; sửa đạo mà không trái với đạo, thì Trời không gây vạ cho người được. Cho nên thủy hạn không có thể khiến cho người phải đói-

khát được, rét-nóng không thể khiến cho người ta đau-ốm; yêu-quái không làm hại được người. Cái gốc bỏ mà sự dùng xa-xỉ, thì Trời không thể làm cho giàu được; sự nuôi sơ-lược mà sự hành-dộng ít, thì trời không thể làm cho trọn vẹn được; trái với đạo mà làm càn thì Trời cũng không thể làm cho tốt-lành được. Cho nên chưa có thủy hạn mà đã đói-khỏi, chưa có nóng lạnh mà đã ốm-dau, chưa có yêu-quái mà đã bị điều hung-ác. Cái thời với đời trị giống nhau, mà cái tai-vạ với đời trị thì khác nhau, không vì thế mà oán Trời, bởi cái đạo tự-nhiên là thế. Cho nên ai mà rõ sự phân-cách của Trời và người, thì có thể gọi là bậc *chỉ nhân* 至人.

« Không làm mà nên, không cầu mà được, gọi là cái chức-vụ của Trời. Như thế, đạo trời tuy thâm-viễn, nhưng bậc chỉ nhân không hề để ý lo-nghĩ đến; tuy cao-dại nhưng không hề để ý suy-xét đến; ấy gọi là không tranh cái chức-vụ của Trời. Trời có thời của Trời, đất có thời của đất, người có việc trị của người, ấy gọi là có thể ngang với trời đất. Bỏ cái của mình có thể lấy mà ngang với trời đất mà chỉ muốn cái ngang với trời đất thì làm vậy ». (*Thiên-luận*, XVII).

« *Bất dữ thiên tranh chức* 不與天爭職 : không tranh cái chức-vụ của Trời », đó là tư-tưởng đặc-biệt của Tuân-tử. Ông bài-xích cái thuyết Trời có ý-chí thường phạt sự thiện sự ác của Mặc-giáo và cái thuyết sùng-bái thiên-nhiên của Lão-giáo. Cái học của ông chủ ở sự tôn-sùng việc người làm, cốt tiến-thủ ở trong cuộc sinh-hoạt của loài người. Cái học ấy tuy có một phần thích-hợp với cái học của Nho-giáo, nhưng vì ông thiên hẳn về mặt *thiên nhân bất tương quan* cho nên thành ra lại khác với cái học của họ Khổng và họ Mạnh.

Tuân-tử muốn rằng người ta chỉ nên biết việc người, để làm cho người ta mỗi ngày một tiến-bộ thêm, chứ không cần biết việc Trời. Vì Trời với người đã không

quan-hệ với nhau, thì trông-cậy ở Trời có được ích gì ?
« *Cổ quân-tử kính kỳ tại kỷ giả, nhi bất mộ kỳ tại thiên giả; tiều-nhân thổ kỳ tại kỷ giả, nhi mộ kỳ tại thiên giả. Quân-tử kính kỳ tại kỷ giả, nhi bất mộ kỳ tại thiên giả, thị dĩ nhật tiến giả; tiều-nhân thổ kỳ tại kỷ giả, nhi mộ kỳ tại thiên giả, thị dĩ nhật thoái giả* 故君子敬其在己者,而不慕其在天者;小人錯其在己者,而慕其在天者.君子敬其在己者,而不慕其在天者,是以日進也;小人錯其在己者,而慕其在天者,是以日退也 : cho nên người quân-tử chỉ kính cái ở mình, mà không mến cái ở Trời; kẻ tiều-nhân thì bỏ cái ở mình, mà mến cái ở Trời. Người quân-tử chỉ kính cái ở mình mà không mến cái ở Trời, cho nên một ngày một tiến; kẻ tiều-nhân bỏ cái ở mình, mà mến cái ở Trời, cho nên một ngày một lui vậy ». (*Thiên-luận*, XVII). Người quân-tử với kẻ tiều-nhân chỉ khác nhau có nhật tiến và nhật thoái mà thôi. Vậy muốn nhật tiến thì cần phải biết nhân-vụ mà không cần biết thiên-ý.

Đạo người là phải tìm cách chinh-phục việc làm của Trời để làm việc dùng của người. « *Đại thiên nhi tư chí, thực dữ vật súc nhi chế tài chi? Tông thiên nhi tụng chí, thực dữ chế thiên mệnh nhi dụng chi? Vọng thời nhi đãi chí, thực dữ ứng thời nhi sử chi? Nhân vật nhi đa chí, thực dữ sinh năng nhi hóa chi? Tư vật nhi vật chi, thực dữ lý vật nhi vật thất chi giả? Nguyên ư vật chi sở dĩ sinh, thực dữ hữu vật chi sở dĩ thành? Cổ thổ nhân nhi tư thiên, tắc thất vạn vật chi tình. Bách vương chi vô biến túc dĩ vi đạo quán; nhất phế nhất khởi ưng chi dĩ quán, lý quán bất loạn, bất tri quán bất tri ưng biến* 夫天而思之,孰與物畜而制我之?從天而頌之,孰與制天命而用之?望時而待之,孰與應時而使之?因物而多之,孰與聘能而化之?思物而物之,孰與理物而勿失之也?顧於物之所以生,孰與有物之所以成?故錯人而思天,則失萬物之情.百王之無變足以爲道貫;一廢一起應之以貫,理貫不亂,不知貫不知應變 : tôn đại Trời mà mến Trời, thì sao